

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8,
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 07 năm 2017	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11/03/2017)
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11/03/2017)
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11/03/2017)
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11/03/2017)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Văn Út	Trưởng ban
Ông Đặng Chiến Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Luận	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Tàn Hoài	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kèm theo, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 07 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Bùi Nguyễn Khánh
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 20 tháng 09 năm 2017

Số: 18.202/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, được lập ngày 20 tháng 09 năm 2017, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 07 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Đến ngày 31 tháng 07 năm 2017, Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ đối với dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cho khoản đầu tư vào công ty con - Công ty Seaprimexco, USA.Inc với số tiền ước tính là 6,4 tỷ đồng. Nếu khoản dự phòng này được ghi nhận đầy đủ thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này" sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 6,4 tỷ đồng. Đồng thời chỉ tiêu "Chi phí tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ tăng 6,4 tỷ đồng và "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 6,4 tỷ đồng.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 07 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017, Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 20.357.098.200 VND. Theo hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng trong các tháng cuối kỳ tăng dẫn đến khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng đáng kể; phần lớn các khoản này sẽ được thu hồi trong các tháng cuối năm 2017. Ngoài ra, trong kỳ Công ty mua nhiều hàng tồn kho dự trữ để sản xuất phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu vào dịp cuối năm. Vào ngày lập báo cáo này, không có lý do nào để Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm như đề cập ở trên sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở hoạt động liên tục. Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/07/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/07/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		240.153.750.931	196.556.459.617
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4.1)	2.090.438.167	8.679.742.984
1. Tiền	111		2.090.438.167	8.679.742.984
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	(4.2)	6.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.884.752.305	35.009.695.224
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.3)	53.888.882.630	33.727.315.911
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(4.4)	4.400.695.296	1.742.491.231
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4.5)	753.826.418	698.540.121
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(4.6)	(1.158.652.039)	(1.158.652.039)
IV. Hàng tồn kho	140		171.504.034.834	147.005.992.531
1. Hàng tồn kho	141	(4.7)	171.504.034.834	147.005.992.531
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.674.525.625	3.861.028.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4.11)	554.549.293	551.983.377
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(4.14)	2.039.976.354	3.309.045.501
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(4.14)	79.999.978	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.866.633.698	73.405.264.115
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn khác	216	(4.5)	4.404.740.400	4.404.740.400
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(4.6)	(4.404.740.400)	(4.404.740.400)
II. Tài sản cố định	220		44.754.682.295	43.036.831.253
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.8)	43.271.043.167	41.548.572.734
Nguyên giá	222		129.269.541.660	124.515.627.900
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.998.498.493)	(82.967.055.166)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(4.9)	1.483.639.128	1.488.258.519
Nguyên giá	228		1.618.069.562	1.618.069.562
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(134.430.434)	(129.811.043)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		952.945.831	2.138.065.515
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(4.10)	952.945.831	2.138.065.515
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(4.2)	7.789.962.000	25.789.962.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		7.789.962.000	82.789.962.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			(57.000.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.369.043.572	2.440.405.347
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(4.11)	2.369.043.572	2.440.405.347
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		296.020.384.629	269.961.723.732

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31/07/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/07/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		223.067.139.397	183.059.757.103
I. Nợ ngắn hạn	310		223.067.139.397	183.059.757.103
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.12)	28.308.532.269	15.663.086.471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(4.13)	4.219.907.371	346.350.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.14)	23.451.781	80.675.327
4. Phải trả người lao động	314	(4.15)	5.000.718.262	5.412.665.335
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(4.16)	1.817.185.794	2.161.562.102
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.17)	2.577.731.687	2.551.784.066
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(4.18)	180.621.243.382	156.028.384.359
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(4.19)	498.368.851	815.248.843
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.953.245.232	86.901.966.629
I. Vốn chủ sở hữu	410	(4.20.1)	72.953.245.232	86.901.966.629
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(4.20.2)	97.485.790.000	97.485.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.569.156.929	4.569.156.929
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.676.666.000)	(18.676.666.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.425.035.697)	3.523.685.700
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.006.924.112	1.419.877.757
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(13.431.959.809)	2.103.807.943
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		296.020.384.629	269.961.723.732



Bùi Nguyên Khánh
 Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 20 tháng 09 năm 2017

Nguyễn Hồng Phương
 Kế toán trưởng

Trần Trọng Tài
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		293.202.872.456	192.600.920.372
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		144.321.000	68.125.050
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(4.22)	293.058.551.456	192.532.795.322
4. Giá vốn hàng bán	11	(4.23)	261.489.550.257	173.071.611.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.569.001.199	19.461.183.328
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(4.24)	694.307.816	319.954.371
7. Chi phí tài chính	22	(4.25)	24.387.966.313	5.708.591.061
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.139.674.926	5.670.883.525
8. Chi phí bán hàng	25	(4.26)	15.484.478.595	7.533.836.344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(4.27)	6.030.304.680	5.087.589.741
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.639.440.573)	1.451.120.553
11. Thu nhập khác	31	(4.28)	1.142.101.804	623.635.776
12. Chi phí khác	32	(4.29)	934.621.040	255.843.660
13. Lợi nhuận khác	40		207.480.764	367.792.116
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(13.431.959.809)	1.818.912.669
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(4.31)		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(13.431.959.809)	1.818.912.669
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(4.20.4)	(1.469)	159
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(4.20.4)	(1.469)	159



Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 20 tháng 09 năm 2017

Nguyễn Hồng Phượng
Kế toán trưởng

Trần Trọng Tài
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(13.431.959.809)	1.818.912.669
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.272.833.485	2.966.011.422
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.24)	(153.904.603)	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		17.928.291.361	23.982.021
Chi phí lãi vay	06	(4.25)	6.139.674.926	5.670.883.525
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		13.754.935.360	10.479.789.637
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.401.422.151)	20.609.497.991
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.762.979.411)	10.818.789.837
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.733.040.756	(12.025.611.689)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		367.828.335	529.953.492
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.139.674.926)	(5.670.883.525)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.14)	(84.887.493)	(50.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(823.938.670)	(401.264.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.357.098.200)	24.290.271.743
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.046.329.621)	(4.704.619.476)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		2.000.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		133.097.528	1.237.338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.913.232.093)	(4.703.382.138)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(4.32)	443.887.774.418	292.313.810.704
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.33)	(419.338.226.095)	(314.830.950.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.549.548.323	(22.517.140.114)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(6.720.781.970)	(2.930.250.509)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.679.742.984	4.133.593.643
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		131.477.153	
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	(4.1)	2.090.438.167	1.203.343.134



Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 20 tháng 09 năm 2017

Nguyễn Hồng Phượng
Kế toán trưởng

Trần Trọng Tài
Người lập



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 04 năm 2014 với mã số doanh nghiệp: 2000105020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 97.485.790.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/07/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty chứng khoán Bảo Việt	9.750.000.000	10,00%	9.750.000.000	10,00%
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	11,10%	10.825.000.000	11,10%
Ông Bùi Nguyên Khánh	7.800.000.000	8,00%	7.800.000.000	8,00%
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	6.000.000.000	6,15%	6.000.000.000	6,15%
Ông Huỳnh Nhật Vũ	5.704.570.000	5,85%	5.704.570.000	5,85%
Bà Bùi Phan Hoàng Anh	6.778.540.000	6,95%	6.778.540.000	6,95%
Các cổ đông khác	44.599.160.000	45,77%	44.599.160.000	45,77%
Cổ phiếu quỹ	6.028.520.000	6,18%	6.028.520.000	6,18%
Cộng	97.485.790.000	100,00%	97.485.790.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 07 năm 2017 là 671 (31/12/2016: 672).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu;
- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017, Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 20.357.098.200 VND. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng trong các tháng cuối kỳ tăng dẫn đến khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng đáng kể; phần lớn các khoản này sẽ được thu hồi trong các tháng cuối năm 2017. Ngoài ra, trong kỳ Công ty mua nhiều hàng tồn kho dự trữ để sản xuất phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu vào dịp cuối năm. Do vậy, tại ngày phát hành báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm như đề cập ở trên sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/07/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	205.150.321	176.363.030
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.885.287.846	8.503.379.954
Cộng	<u>2.090.438.167</u>	<u>8.679.742.984</u>

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,8%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/07/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty CP Thủy sản An Phước	-	-	-	75.000.000	(57.000.000)	-
Seaprimexco, USA.INC	7.789.962	-	-	7.789.962	-	-
Cộng	<u>7.789.962</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>82.789.962</u>	<u>(57.000.000)</u>	<u>-</u>

Ngày 14/07/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ra Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản số 01/2017/QĐ-PS đối với Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước.

Seaprimexco, USA.INC do điều kiện hoạt động kinh tế khó khăn nên đã ngưng hoạt động từ ngày 01/09/2010.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/07/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Mazzetta LLC	18.904.525.195	6.871.037.635
Premier Marine Canada INC.	9.769.000.022	6.217.613.175
Blue Sea Products LLC	9.064.655.000	-
Các khách hàng khác	16.150.702.413	20.638.665.101
Cộng	<u>53.888.882.630</u>	<u>33.727.315.911</u>

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/07/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Anh Phát	3.153.529.000	253.000.000
Trả trước cho bên liên quan - Xem thêm mục 4.34	700.000.000	200.000.000
Các người bán khác	547.166.296	1.289.491.231
Cộng	<u>4.400.695.296</u>	<u>1.742.491.231</u>

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/07/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	269.974.300	-	477.074.100	-
Lãi dự thu tiền gửi	-	-	61.388.889	-
Thuế GTGT hàng tạm nhập, tái xuất	31.441.589	-	31.441.589	-
Phải thu khác	452.410.529	-	128.635.543	-
Cộng	<u>753.826.418</u>	<u>-</u>	<u>698.540.121</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Phải thu Công ty CP Thủy sản An Phước	4.404.740.400	(4.404.740.400)	4.404.740.400	(4.404.740.400)
Cộng	<u>4.404.740.400</u>	<u>(4.404.740.400)</u>	<u>4.404.740.400</u>	<u>(4.404.740.400)</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/07/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán quá hạn thanh toán	1.158.652.039	-	1.158.652.039	-
Tổng giá trị các khoản phải thu khác dài hạn quá hạn thanh toán	4.404.740.400	-	4.404.740.400	-
Cộng	5.563.392.439	-	5.563.392.439	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu, trả trước người bán quá hạn là thấp vì những khoản nợ này là của các đối tượng đã quá hạn thanh toán; khoản phải thu dài hạn của Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước không có khả năng thu hồi vì công ty này đã phá sản. Những khoản nợ này đã được công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, trả trước người bán quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/07/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Thủy sản An Phước	4.404.740.400	-	Trên 3 năm	4.404.740.400	-	Trên 3 năm
Công ty Fotouri GMHB	546.903.261	-	Trên 3 năm	546.903.261	-	Trên 3 năm
Công ty Nha Trang Seafood	238.961.792	-	Trên 3 năm	238.961.792	-	Trên 3 năm
Đối tượng khác	372.786.986	-	Trên 3 năm	372.786.986	-	Trên 3 năm
Cộng	5.563.392.439	-		5.563.392.439	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/07/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.504.461.188	-	3.520.658.331	-
Công cụ, dụng cụ	1.015.445.726	-	1.028.935.560	-
Thành phẩm	165.984.127.920	-	142.456.398.640	-
Cộng	171.504.034.834	-	147.005.992.531	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8,
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác		Cộng
					VND	VND	
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2017	37.469.603.897	78.781.208.634	6.674.436.631	129.453.916	1.460.924.822		124.515.627.900
Mua trong kỳ	30.807.273	165.000.000	-	-	-		195.807.273
Đầu tư XDCB hoàn thành Thanh lý, nhượng bán	2.772.438.564 -	1.934.687.900 (203.341.751)	- -	- (43.131.926)	97.453.700 -		4.804.580.164 (246.473.677)
Tại ngày 31/07/2017	40.272.849.734	80.677.554.783	6.674.436.631	86.321.990	1.558.378.522		129.269.541.660
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2017	17.297.580.370	59.751.175.482	4.896.116.633	129.453.916	892.728.765		82.967.055.166
Khấu hao trong kỳ	898.870.515	2.167.139.886	154.936.220	-	56.970.383		3.277.917.004
Thanh lý, nhượng bán	-	(203.341.751)	-	(43.131.926)	-		(246.473.677)
Tại ngày 31/07/2017	18.196.450.885	61.714.973.617	5.051.052.853	86.321.990	949.699.148		85.998.498.493
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2017	20.172.023.527	19.030.033.152	1.778.319.998	-	568.196.057		41.548.572.734
Tại ngày 31/07/2017	22.076.398.849	18.962.581.166	1.623.383.778	-	608.679.374		43.271.043.167

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.203.475.371 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	1.495.517.562	122.552.000	1.618.069.562
Tại ngày 31/07/2017	<u>1.495.517.562</u>	<u>122.552.000</u>	<u>1.618.069.562</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2017	7.259.043	122.552.000	129.811.043
Khấu hao trong kỳ	4.619.391	-	4.619.391
Tại ngày 31/07/2017	<u>11.878.434</u>	<u>122.552.000</u>	<u>134.430.434</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	1.488.258.519	-	1.488.258.519
Tại ngày 31/07/2017	<u>1.483.639.128</u>	<u>-</u>	<u>1.483.639.128</u>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 122.552.000 VND.

4.10. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/07/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
Trạm thu mua Thới Bình	475.307.415	4.072.000
Sàn đặt dàn ngưng PX 118	296.814.545	-
Công trình nhà nghỉ giữa ca Xí nghiệp Sông Đốc	-	1.426.858.182
Khác	180.823.871	707.135.333
Cộng	<u>952.945.831</u>	<u>2.138.065.515</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/07/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	141.421.663	158.978.341
Các khoản khác	413.127.630	393.005.036
Cộng	<u>554.549.293</u>	<u>551.983.377</u>
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ	535.381.179	870.560.847
Chi phí sửa chữa tài sản	1.833.662.393	1.569.844.500
Cộng	<u>2.369.043.572</u>	<u>2.440.405.347</u>

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/07/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
DNTN Thủy Sản Ngọc Nguyên	9.215.294.992	9.215.294.992	3.123.620.387	3.123.620.387
Công ty TNHH TM&DV Ngân Phúc	1.632.999.500	1.632.999.500	1.425.028.000	1.425.028.000
DNTN Thủy Sản Hồng Lệ	1.446.612.849	1.446.612.849	400.273.420	400.273.420
Công ty TNHH Lotte - Sea Logistics	1.371.026.038	1.371.026.038	-	-
Phải trả cho bên liên quan - Xem thêm mục 4.34	16.500.000	16.500.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	14.626.098.890	14.626.098.890	10.714.164.664	10.714.164.664
Cộng	<u>28.308.532.269</u>	<u>28.308.532.269</u>	<u>15.663.086.471</u>	<u>15.663.086.471</u>

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/07/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
West Japanese Farmers Union Co.,LTD	4.031.513.820	-
Các đối tượng khác	188.393.551	346.350.600
Cộng	<u>4.219.907.371</u>	<u>346.350.600</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số được khấu trừ VND	Số phải nộp VND	Số được hoàn VND	Tại ngày 31/07/2017 VND	
Phải thu:						
Thuế giá trị gia tăng	3.309.045.501	3.579.343.082	(489.820.586)	(4.358.591.643)	2.039.976.354	
	Tại ngày 01/01/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 31/07/2017 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Phải nộp:						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.887.515	-	(84.887.493)	79.999.978	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	55.898.898	105.931.391	(141.443.656)	-	20.386.633
Các loại thuế khác	-	19.888.914	303.330.852	(320.154.618)	-	3.065.148
Cộng	-	80.675.327	409.262.243	(546.485.767)	79.999.978	23.451.781

4.15. Phải trả người lao động

Là lương tháng 07 năm 2017 còn phải trả cho người lao động.

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/07/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Cước tàu phải trả	1.052.774.864	589.504.704
Tiền thuê kho	28.346.929	1.157.015.991
Chi phí phải trả khác	736.064.001	415.041.407
Cộng	1.817.185.794	2.161.562.102

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/07/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả tiền giữ hộ của Seaprimexco, USA, INC - Xem thêm mục 4.34	1.393.614.000	1.393.614.000
Phải trả khác tiền thu từ hoạt động xe tải	54.874.667	74.344.656
Nhận ký quỹ, ký cược	48.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.081.243.020	1.083.825.410
Cộng	2.577.731.687	2.551.784.066

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2017		Trong kỳ		Tại ngày 31/07/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng bằng VND	133.567.708.359	133.567.708.359	271.407.095.918	(260.493.060.895)	144.481.743.382	144.481.743.382
Vay cá nhân bằng VND	2.100.000.000	2.100.000.000	2.550.000.000	(3.000.000.000)	1.650.000.000	1.650.000.000
Vay ngân hàng bằng USD	20.360.676.000	20.360.676.000	169.983.768.500	(155.854.944.500)	34.489.500.000	34.489.500.000
Cộng	156.028.384.359	156.028.384.359	443.940.864.418	(419.348.005.395)	180.621.243.382	180.621.243.382

Vay ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 6,5%/năm đến 7%/năm đối với các khoản vay bằng VND và lãi vay từ 4%/năm đến 4,5%/năm đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định của Công ty - Xem thêm mục 4.8.

Vay ngắn hạn cá nhân là các khoản vay có thời hạn 3 tháng, lãi suất 8%/năm. Trong đó, vay bên liên quan là 1.100.000.000 VND - Xem thêm mục 4.34.

4.19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 31/07/2017	Tại ngày 01/01/2017
Quỹ khen thưởng	233.131.632	367.970.044
Quỹ phúc lợi	38.991.885	226.030.555
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	155.532.714	165.235.624
Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành Công ty	70.712.620	56.012.620
Cộng	498.368.851	815.248.843

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU
 Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8,
 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	1.901.952.626	85.280.233.555
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.103.807.943	2.103.807.943
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(482.074.869)	(482.074.869)
Tại ngày 01/01/2017	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	3.523.685.700	86.901.966.629
Lỗ trong 7 tháng đầu năm nay	-	-	-	(13.431.959.809)	(13.431.959.809)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(420.761.588)	(420.761.588)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(96.000.000)	(96.000.000)
Tại ngày 31/07/2017	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	(10.425.035.697)	72.953.245.232

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/07/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty chứng khoán Bảo Việt	9.750.000.000	9.750.000.000
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	10.825.000.000
Ông Bùi Nguyên Khánh	7.800.000.000	7.800.000.000
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	6.000.000.000	6.000.000.000
Ông Huỳnh Nhật Vũ	5.704.570.000	5.704.570.000
Bà Bùi Phan Hoàng Anh	6.778.540.000	6.778.540.000
Các cổ đông khác	44.599.160.000	44.599.160.000
Cổ phiếu quỹ	6.028.520.000	6.028.520.000
Cộng	<u>97.485.790.000</u>	<u>97.485.790.000</u>

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/07/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	602.852	602.852
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.145.727	9.145.727

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

4.20.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.431.959.809)	1.818.912.669
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(363.782.534)
Lãi (lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(13.431.959.809)	1.455.130.135
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	9.145.727	9.145.727
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS)	<u>(1.469)</u>	<u>159</u>

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính sẽ trích cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017.

4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/07/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại: USD	59.776,12	348.598,03

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu:		
Doanh thu xuất khẩu	277.534.145.838	177.808.938.729
Doanh thu tiêu thụ nội địa	14.959.001.425	13.922.597.506
Doanh thu bán vật tư	464.237.193	714.243.337
Các khoản giảm trừ doanh thu	(144.321.000)	(68.125.050)
	<u>292.813.063.456</u>	<u>192.377.654.522</u>
Doanh thu đối với bên liên quan - Xem thêm mục 4.34	245.488.000	155.140.800
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>293.058.551.456</u>	<u>192.532.795.322</u>

4.23. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	261.073.681.424	172.367.065.711
Giá vốn của hàng hóa đã bán	415.868.833	704.546.283
Cộng	<u>261.489.550.257</u>	<u>173.071.611.994</u>

4.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi	71.708.639	1.237.338
Lãi thu từ đầu tư hoạt động xe tải	134.116.851	154.969.523
Lãi chênh lệch tỷ giá	334.577.723	163.747.510
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	153.904.603	-
Cộng	<u>694.307.816</u>	<u>319.954.371</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	6.139.674.926	5.670.883.525
Lỗ hoạt động đầu tư vào Công ty Thủy sản An Phước đã phá sản - Xem thêm mục 4.2	18.000.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	248.291.387	37.707.536
Cộng	<u>24.387.966.313</u>	<u>5.708.591.061</u>

4.26. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	86.297.363	46.897.000
Chi phí cước tàu, vận chuyển	6.235.178.195	2.932.944.789
Chi phí hàng mẫu cho khách hàng	39.920.241	57.080.813
Chi phí ngân hàng	852.365.522	1.050.521.857
Chi phí xuất hàng	257.668.456	236.321.830
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	1.117.287.061	860.407.360
Chi phí hoa hồng	599.508.699	283.495.359
Chi phí xúc tiến thương mại	1.252.550.297	-
Chi phí bằng tiền khác	5.043.702.761	2.066.167.336
<i>Chi phí thuê kho</i>	3.156.442.929	1.030.960.173
<i>Chi phí khác</i>	1.887.259.832	1.035.207.163
Cộng	<u>15.484.478.595</u>	<u>7.533.836.344</u>

4.27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.882.230.214	2.998.378.907
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	-	368.948.141
Chi phí đồ dùng văn phòng	79.136.299	113.328.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	221.850.297	149.123.409
Thuế, phí và lệ phí	200.438.000	236.550.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	242.898.361	198.334.501
Chi phí bằng tiền khác	1.403.751.509	1.022.926.611
Cộng	<u>6.030.304.680</u>	<u>5.087.589.741</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.28. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu tiền bán vật tư, phế liệu, đầu vỏ tôm	654.277.350	388.302.700
Thu nhập khác từ cho thuê tài sản	162.454.554	56.000.000
Thu nhập khác	325.369.900	179.333.076
Cộng	<u>1.142.101.804</u>	<u>623.635.776</u>

4.29. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	25.219.359
Giá vốn đầu vỏ tôm mua ngoài	161.807.090	56.783.973
Các khoản chi phí khác	772.813.950	173.840.328
Cộng	<u>934.621.040</u>	<u>255.843.660</u>

4.30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	249.557.420.704	139.133.607.362
Chi phí nhân công	31.319.105.610	19.646.595.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.272.833.485	2.966.011.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.745.317.836	5.704.559.291
Chi phí khác bằng tiền	13.662.362.467	6.221.907.390
Cộng	<u>306.557.040.102</u>	<u>173.672.681.282</u>

4.31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa có đầy đủ bằng chứng chắc chắn về việc có lợi nhuận tính thuế thu nhập trong tương lai nên Công ty không ghi nhận thuế hoãn lại cho các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/07/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.32. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017</u> VND	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u> VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	443.887.774.418	292.313.810.704

4.33. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017</u> VND	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u> VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(419.338.226.095)	(314.830.950.818)

4.34. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước
- Seaprimexco, USA. INC
- Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh
- Công ty TNHH MTV Thiết Kế - Giám Sát - Xây dựng Hưng Long
- Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn
- Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty con đến ngày 14/07/2017
 Công ty con
 Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
 Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
 Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/07/2017</u> VND	<u>Tại ngày 01/01/2017</u> VND
Phải thu:		
Công ty TNHH MTV Thiết Kế - Giám Sát - Xây dựng Hưng Long - Xem thêm mục 4.4	700.000.000	200.000000
Cộng	<u>700.000.000</u>	<u>200.000000</u>
Phải trả:		
Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn - Xem thêm mục 4.12	(16.500.000)	-
Seaprimexco, USA. INC - Xem thêm mục 4.17	(1.393.614.000)	(1.393.614.000)
Ông Tô Tấn Hoài - Xem thêm mục 4.18	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Cộng	<u>(2.510.114.000)</u>	<u>(2.493.614.000)</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Bán hàng: Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh - Xem thêm mục 4.22	245.488.000	155.140.800
Cộng	<u>245.488.000</u>	<u>155.140.800</u>
Mua hàng hóa, máy móc, thiết bị: Công ty TNHH MTV Thiết Kế - Giám Sát - Xây dựng Hưng Long	(1.718.098.000)	(169.000.000)
Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn	(16.500.000)	(395.450.000)
Cộng	<u>(1.734.598.000)</u>	<u>(564.450.000)</u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	84.000.000	84.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	435.018.316	410.400.000
Cộng	<u>519.018.316</u>	<u>494.400.000</u>

4.35. Thu nhập Ban kiểm soát

	Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	27.000.000	27.000.000

4.36. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017. Những thông tin kỳ trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tương ứng với số liệu của báo cáo tài chính của kỳ trước cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Do đó, các số liệu này không có tính so sánh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.38. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Bùi Nguyên Khánh
Tổng giám đốc

Nguyễn Hồng Phượng
Kế toán trưởng

Trần Trọng Tài
Người lập

Cà Mau, ngày 20 tháng 09 năm 2017